Số / *No*: 02/2026/TT ĐHĐCĐ - CMC Hà Nội, ngày tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
PROPOSAL TO ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026
V/v: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 và Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu triển khai Dự án tổ hợp Không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội
Re: Report on the utilization of capital proceeds from the 2019 private placement of shares & Report on the utilization of proceeds from the bond issuance for the implementation of the CMC Creative Space Project in Hanoi

Kính gửi: Quý Cổ đông - Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC,
To: Shareholders - CMC Corporation,

Căn cứ / Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
  Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 coming into force from 17/06/2020 and its amending and supplementing documents;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.
  Corporate charter of CMC Corporation.
- Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐQT ngày 08/07/2019 về việc thông qua phương án chi tiết chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các nghị quyết điều chỉnh liên quan.
  Resolution No. 25/2019/NQ-BOD dated July 08, 2019 on the approval of the detailed plan for private share offering of CMC Corporation and related adjustment resolutions.
- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt phương án phát hành trái phiếu triển khai dự án CMC Starlake của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.
  Resolution No. 20/2025/NQ-BOD dated October 23, 2025 on the approval of the bond issuance plan for the implementation of the CMC Starlake project by the Board of Directors of CMC Corporation.

- Nghị quyết số 17/2026/NQ HĐQT ngày 29/06/2026 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn phát hành từ công đông chiến lược.
  Resolution No 17/2026/NQ HĐQT dated 29 June 2026 regarding Adjustment plan to use capital issued from strategic shareholders.
- Báo cáo kiểm toán số 765/2026/UHY-BCKT do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY phát hành.
  Audit report No. 765/2026/UHY-BCKT issued by UHY Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 và Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu triển khai Dự án tổ hợp Không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội, cụ thể như sau:
The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval the Report on the utilization of capital proceeds from the 2019 private placement of shares and the Report on the utilization of proceeds from the bond issuance for the implementation of the CMC Creative Space Project in Hanoi, as follows:

I. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2019

REPORT ON THE UTILIZATION OF CAPITAL PROCEEDS FROM THE 2019 PRIVATE PLACEMENT OF SHARES

1. Tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ đến ngày 31/03/2023:

Report of capital utilization from the private share issuance as of March 31, 2023:

STT/ *No*	Mục đích sử dụng vốn/ *Purpose of capital use*	Số tiền theo phương án được điều chỉnh tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT *The amount according to the plan adjusted under Resolution No. 16/2022/NQ- HĐQT*	Số tiền đã sử dụng *Amount utilized*			Số tiền chưa sử dụng hết tại ngày 31/03/2023 *Unutilized amount as of March 31, 2023*
			Lũy kế đến ngày 31/03/2022 *Cumulative as of March 31, 2022*	Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/03/2023 *From April 1, 2022 to March 31, 2023*	Lũy kế đến ngày 31/03/2023 *Cumulative as of March 31, 2023*	
1	**Đầu tư cho công ty thành viên** ***Investment in subsidiary company***	**485.000.000.000**	**328.774.692.004**	**37.619.995.108**	**366.394.687.112**	**118.605.312.888**
1.1	Đầu tư thành lập, góp vốn vào công ty mới *Investment in the establishment of a new company*	385.000.000.000	276.269.372.747	37.619.995.108	313.889.367.855	71.110.632.145
	- CMC Education		176.269.372.747	37.619.995.108	213.889.367.855	
	- CMC Đà Nẵng		100.000.000.000	-	100.000.000.000	
1.2	Tăng vốn điều lệ tại các Công ty thành viên *Increase equity capital in member companies*	100.000.000.000	52.505.319.257	-	52.505.319.257	47.494.680.743
	- CMC TS		22.505.319.257	-	22.505.319.257	
	- CMC Global		30.000.000.000	-	30.000.000.000	
2	**Đầu tư hạ tầng kỹ thuật** ***Investment in technical infrastructure***	**359.558.000.000**	**165.475.095.744**	**21.443.202.171**	**186.918.297.915**	**172.639.702.085**
2.1	Đảm bảo vốn đối ứng (vốn chủ sở hữu) cho công trình "Không gian sáng tạo CMC" - CCS HCM *Ensure counterpart capital (equity capital) for the project 'CMC Creative Space' - CCS HCM*		109.735.214.844	21.393.202.171	131.128.417.015	

2.2	Dự án CMC Starlake *Starlake project*		55.739.880.900	-	55.739.880.900	
2.3	Dự án CMC Hòa Lạc *Hoa lac project*		-	50.000.000	50.000.000	
	Tổng cộng / Total	**844.558.000.000**	**494.249.787.748**	**59.063.197.279**	**553.312.985.027**	**291.245.014.973**

2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ đến ngày 31/03/2024:

Report of capital utilization from the private share issuance as of March 31, 2024:

STT ***No***	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of capital use***	**Số tiền theo phương án được điều chỉnh tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT** ***The amount according to the plan adjusted under Resolution No. 16/2022/NQ- HĐQT***	**Số tiền đã sử dụng** ***Amount utilized***		**Số tiền chưa sử dụng hết tại ngày 31/03/2024** ***Unutilized amount as of March 31, 2024***
			Lũy kế đến ngày 31/03/2023 ***Cumulative as of March 31, 2023***	**Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024** ***From April 1, 2023 to March 31, 2024***	**Lũy kế đến ngày 31/03/2024** ***Cumulative as of March 31, 2024***	
1	**Đầu tư cho công ty thành viên** ***Investment in subsidiary company***	**485.000.000.000**	**366.394.687.112**	**67.342.730.000**	**433.737.417.112**	**51.262.582.888**
1.1	Đầu tư thành lập, góp vốn vào công ty mới *Investment in the establishment of a new company*	385.000.000.000	313.889.367.855	67.342.730.000	381.232.097.855	3.767.902.145
	- CMC Education		213.889.367.855	67.342.730.000	281.232.097.855	
	- CMC Đà Nẵng		100.000.000.000	-	100.000.000.000	
1.2	Tăng vốn điều lệ tại các Công ty thành viên *Increase equity capital in member companies*	100.000.000.000	52.505.319.257	-	52.505.319.257	47.494.680.743
	- CMC TS		22.505.319.257	-	22.505.319.257	
	- CMC Global		30.000.000.000	-	30.000.000.000	
2	**Đầu tư hạ tầng kỹ thuật** ***Investment in technical infrastructure***	**359.558.000.000**	**186.918.297.915**	**172.639.702.085**	**359.558.000.000**	**-**

2.1	Đảm bảo vốn đối ứng (vốn chủ sở hữu) cho công trình "Không gian sáng tạo CMC" - CCS HCM *Ensure counterpart capital (equity capital) for the project 'CMC Creative Space' - CCS HCM*		131.128.417.015	1.915.793.825	133.044.210.840	
2.2	Dự án CMC Starlake *Starlake project*		55.739.880.900	170.454.402.260	226.194.283.160	
2.3	Dự án CMC Hòa Lạc *Hòa Lạc project*		50.000.000	269.506.000	319.506.000	
	Tổng cộng/*Total*	**844.558.000.000**	**553.312.985.027**	**239.982.432.085**	**793.295.417.112**	**51.262.582.888**

3. Tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ đến ngày 31/03/2025:

Report of capital utilization from the private share issuance as of March 31, 2025:

STT ***No***	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of capital use***	**Số tiền theo phương án được điều chỉnh tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT** ***The amount according to the plan adjusted under Resolution No. 16/2022/NQ-HĐQT***	**Số tiền đã sử dụng** ***Amount utilized***		**Số tiền chưa sử dụng hết tại ngày 31/03/2025** ***Unutilized amount as of March 31, 2025***
			Lũy kế đến ngày 31/03/2024 ***Cumulative as of March 31, 2024***	**Từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025** ***From April 1, 2024 to March 31, 2025***	**Lũy kế đến ngày 31/03/2025** ***Cumulative as of March 31, 2025***	
1	**Đầu tư cho công ty thành viên** ***Investment in subsidiary company***	**485.000.000.000**	**433.737.417.112**	**3.767.902.145**	**437.505.319.257**	**47.494.680.743**
1.1	Đầu tư thành lập, góp vốn vào công ty mới *Investment in the establishment of a new company*	385.000.000.000	381.232.097.855	3.767.902.145	385.000.000.000	-
	- CMC Education		281.232.097.855	-	281.232.097.855	
	- CMC Đà Nẵng		100.000.000.000	-	100.000.000.000	
	- CMC ADI		-	3.767.902.145	3.767.902.145	
1.2	Tăng vốn điều lệ tại các Công ty thành viên *Increase equity capital in member companies*	100.000.000.000	52.505.319.257	-	52.505.319.257	47.494.680.743

	- CMC TS		22.505.319.257	-	22.505.319.257	
	- CMC Global		30.000.000.000	-	30.000.000.000	
2	**Đầu tư hạ tầng kỹ thuật** ***Investment in technical infrastructure***	**359.558.000.000**	**359.558.000.000**	**-**	**359.558.000.000**	**-**
2.1	Đảm bảo vốn đối ứng (vốn chủ sở hữu) cho công trình "Không gian sáng tạo CMC" - CCS HCM *Ensure counterpart capital (equity capital) for the project 'CMC Creative Space' - CCS HCM*		133.044.210.840	-	133.044.210.840	
2.2	Dự án CMC Starlake *Starlake project*		226.194.283.160	-	226.194.283.160	
2.3	Dự án CMC Hòa Lạc *Hoa Lac Project*		319.506.000	-	319.506.000	

4. Tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ đến ngày 31/03/2026:

Report of capital utilization from the private share issuance as of March 31, 2026:

STT ***No***	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of capital use***	**Số tiền theo phương án được điều chỉnh tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT** ***The amount according to the plan adjusted under Resolution No. 16/2022/NQ-HĐQT***	**Số tiền đã sử dụng** ***Amount utilized***			**Số tiền chưa sử dụng hết tại ngày 31/03/2026** ***Unutilized amount as of March 31, 2026***
			Lũy kế đến ngày 31/03/2025 ***Cumulative as of March 31, 2024***	**Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026** ***From April 1, 2025 to March 31, 2026***	**Lũy kế đến ngày 31/03/2026** ***Cumulative as of March 31, 2025***	
1	**Đầu tư cho công ty thành viên** ***Investment in subsidiary company***	**485.000.000.000**	**437.505.319.257**	**-**	**437.505.319.257**	**47.494.680.743**
1.1	Đầu tư thành lập, góp vốn vào công ty mới *Investment in the establishment of a new company*	385.000.000.000	385.000.000.000	-	385.000.000.000	-
	- CMC Education		281.232.097.855	-	281.232.097.855	
	- CMC Đà Nẵng		100.000.000.000	-	100.000.000.000	
	- CMC ADI		3.767.902.145	-	3.767.902.145	

1.2	Tăng vốn điều lệ tại các Công ty thành viên *Increase equity capital in member companies*	100.000.000.000	52.505.319.257	-	52.505.319.257	47.494.680.743
	- CMC TS		22.505.319.257	-	22.505.319.257	
	- CMC Global		30.000.000.000	-	30.000.000.000	
2	**Đầu tư hạ tầng kỹ thuật** ***Investment in technical infrastructure***	**359.558.000.000**	**359.558.000.000**	**-**	**359.558.000.000**	**-**
2.1	Đảm bảo vốn đối ứng (vốn chủ sở hữu) cho công trình "Không gian sáng tạo CMC" - CCS HCM *Ensure counterpart capital (equity capital) for the project 'CMC Creative Space' - CCS HCM*		133.044.210.840	-	133.044.210.840	
2.2	Dự án CMC Starlake *Starlake project*		226.194.283.160	-	226.194.283.160	
2.3	Dự án CMC Hòa Lạc *Hòa Lạc Project*		319.506.000	-	319.506.000	
	Tổng cộng / *Total*	**844.558.000.000**	**797.063.319.257**		**797.063.319.257**	**47.494.680.743**

Ngoài ra, vào ngày 29/06/2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn nêu trên, cụ thể là điều chỉnh phân bổ trong hạng mục đầu tư cho công ty thành viên, theo đó: khoản đầu tư thành lập, góp vốn vào công ty mới được điều chỉnh từ 385.000.000.000 đồng lên 432.494.680.743 đồng; khoản tăng vốn điều lệ tại các công ty thành viên được điều chỉnh giảm tương ứng từ 100.000.000.000 đồng xuống còn 52.505.319.257 đồng. Việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn này này đã được Công ty báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo đúng quy định.

Additionally, on June 29, 2026, the Company's Board of Directors approved Resolution No. 17/2026/NQ-HĐQT regarding the adjustment of the aforementioned capital utilization plan, specifically adjusting the allocation within the investment category for subsidiaries, as follows: the investment for the establishment of and capital contribution to new companies was adjusted upward from VND 385,000,000,000 to VND 432,494,680,743; the capital increase in existing subsidiaries was adjusted downward correspondingly from VND 100,000,000,000 to VND 52,505,319,257. This adjustment to the capital utilization plan has been reported by the Company to the State Securities Commission and disclosed in accordance with applicable regulations.

Chi tiết về việc điều chỉnh nêu trên như sau:

Details of the aforementioned adjustment are as follows:

TT No	Mục đích sử dụng vốn *Purpose of using capital*	Số tiền theo phương án sử dụng vốn theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT *Amount according to Resolution No. 16/2022/NQ-HĐQT*	Số tiền sau khi phân bổ lại các hạng mục *Amount after reallocation of budget items*
1	Đầu tư cho công ty thành viên *Investment in Subsidiaries*	485.000.000.000	485.000.000.000
1.1	Đầu tư thành lập, góp vốn vào công ty mới *Investment in new companies*	385,000,000,000	432,494,680,743
1.2	Tăng vốn điều lệ tại các Công ty thành viên *Increase charter capital of subsidiaries*	100,000,000,000	52,505,319,257
2	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật *Investment in technical infrastructure*	359,558,000,000	359,558,000,000
	Tổng cộng / Total	**844,558,000,000**	**844,558,000,000**

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU TRIỂN KHAI DỰ ÁN TỔ HỢP KHÔNG GIAN SÁNG TẠO CMC TẠI HÀ NỘI – CMC CREATIVE SPACE HANOI ("CCS HÀ NỘI") LUỸ KẾ ĐẾN NGÀY 31/03/2026

REPORT ON THE USE OF PROCEEDS FROM THE BOND ISSUANCE FOR THE IMPLEMENTATION OF THE CMC CREATIVE SPACE HANOI PROJECT ("CCS HANOI") CUMULATIVE AS OF 31 MARCH 2026

1. Thông tin về trái phiếu phát hành / *Information on the bond iIssuance*

❖ **Thông tin chung / *General information*:**

STT ***No***	**Nội dung** ***Content***	**Thông tin** ***Information***
1.1	Tên Trái Phiếu *Bond Name*	Trái Phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC *CMC Corporation Bond*
1.2	Mã Trái Phiếu *Bond Code*	CMG12501
1.3	Loại Trái Phiếu *Bond Type*	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo lãnh thanh toán bởi CGIF, xác lập các nghĩa vụ nợ trực tiếp và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành *Non-convertible bonds, without warrants, payment-guaranteed by CGIF, constituting direct and unsubordinated obligations of the Issuer*
1.4	Hình thức phát hành *Offering Method*	Trái phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua Đại lý phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán và Nghị Định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp *The Bonds are privately placed through the Issuing Agent to professional securities investors in accordance with the Law on Securities and Decree No. 153/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on corporate bond issuance*
1.5	Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu *Issue and Payment Currency*	Đồng Việt Nam (VND) *Vietnam Dong (VND)*
1.6	Hình thức Trái Phiếu *Bond Form*	Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử *The Bonds are issued in book-entry form and/or electronic data form*
1.7	Mệnh giá *Par Value*	100.000.000 VND
1.8	Phương thức trả lãi *Interest Payment Method*	Định kỳ *Periodic*

1.9	Kỳ hạn trả lãi *Interest Payment Frequency*	Định kỳ 6 tháng/lần *Every six months*
1.10	Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán Trái Phiếu *Bond Offering Consultant*	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("CTS") *Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company ("CTS")*
1.11	Đại lý Đăng ký, Lưu ký *Registration and Depository Agent*	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)*
1.12	Đại lý Phát hành *Issuing Agent*	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("CTS") *Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company ("CTS")*
1.13	Đại diện Chủ sở hữu Trái Phiếu *Bondholders' Representative*	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("CTS") *Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company ("CTS")*
1.14	Đại lý Quản lý Tài khoản *Account Management Agent*	Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội *ABBANK – Hanoi Branch*
1.15	Danh sách các Hợp đồng thế chấp/ cầm cố tài sản đảm bảo *List of Security/Mortgage Agreements over Collateral Assets*	Không có / *None*
1.16	Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi Trái phiếu	Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh, tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán khoản tiền gốc, lãi và các nghĩa vụ khác (nếu có) của Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn kiện Trái Phiếu có liên quan.

	Source of Funds for Payment of Bond Principal and Interest	*The Issuer intends to use lawful proceeds generated from its operating activities, financial activities and other lawful sources to pay the principal, interest and other obligations (if any) of the Bonds upon maturity or early redemption in accordance with the Bond Terms and Conditions and other relevant Bond Documents*
1.17	Phương thức chuyển đổi *Conversion Method*	Không có / *None*
1.18	Lãi suất *Interest Rate*	Lãi suất cố định 5,5%/năm *Fixed interest rate of 5.5% per annum*
1.19	Mua lại trước hạn *Early Redemption*	Trái phiếu sẽ không được mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại bắt buộc theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu. *The Bonds shall not be redeemed prior to maturity except in the case of mandatory redemption in accordance with the Bond Terms and Conditions.*

❖ **Thông tin cụ thể về mã trái phiếu /** ***Detailed Information on Bond Code:***

STT **No**	**Mã Trái Phiếu** ***Bond Code***	**Kỳ hạn (năm)** ***Tenor (Years)***	**Ngày phát hành** ***Issue Date***	**Ngày đáo hạn** ***Maturity Date***	**KL phát hành** ***Issued Volume***	**KL còn lưu hành** ***Outstanding Volume***	**Lãi suất trái phiếu (%/năm)** ***Bond Interest Rate (% p.a.)***	**Tổng giá trị phát hành (VND)** ***Total Issuance Value (VND)***	**Tổng dư nợ tại 31/03/2026 (VND)** ***Total Outstanding Principal as at 31 March 2026 (VND)***	**Tổng gốc Trái phiếu đã thanh toán (VND)** ***Total Bond Principal Repaid (VND)***	**Tổng lãi Trái phiếu đã thanh toán đến thời điểm hiện tại (VND)** ***Total Bond Interest Paid to date (VND)***
1	CMG12501	10	30/10/2025	30/10/2035	12.500	12.500	5,5	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000	0	34.280.821.918

2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành trái phiếu / *Use of proceeds in accordance with the bond issuance plan:*

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc phê duyệt phương án phát hành trái phiếu triển khai dự án CMC Starlake của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC:

Pursuant to the bond issuance plan approved under Resolution No. 20/2025/NQ-HDQT dated 23 October 2025 of the Board of Directors of CMC Corporation regarding the approval of the bond issuance plan for the implementation of the CMC Starlake Project:

- Công ty sẽ sử dụng 10 tỷ đồng thu được từ việc phát hành Trái phiếu để thanh toán chi phí cấp phép, tư vấn, quan trắc lún và các chi phí dự phòng và chi phí khác liên quan đến các công việc cấp phép, tư vấn, quan trắc lún;

  The Company shall use VND 10 billion of the proceeds from the Bond issuance to pay for licensing costs, consultancy fees, settlement monitoring costs, contingency costs and other expenses related to licensing, consultancy and settlement monitoring activities;
- Công ty sẽ sử dụng 250 tỷ đồng thu được từ việc phát hành Trái phiếu để thanh toán chi phí xây dựng phần thô, các chi phí dự phòng và chi phí liên quan đến công việc thi công phần thô;

  The Company shall use VND 250 billion of the proceeds from the Bond issuance to pay for structural construction costs, contingency costs and other expenses related to structural construction works;
- Công ty sẽ sử dụng 990 tỷ đồng thu được từ việc phát hành Trái phiếu để thanh toán chi phí xây dựng phần hoàn thiện, chi phí mặt dựng, chi phí vật tư, chi phí thiết bị, chi phí cơ điện, chi phí nội thất, chi phí quản lý dự án, chi phí nghiệm thu, các chi phí dự phòng và chi phí khác liên quan đến các công việc trên.

  The Company shall use VND 990 billion of the proceeds from the Bond issuance to pay for finishing works, façade works, material costs, equipment costs, mechanical and electrical (M&E) costs, interior fit-out costs, project management costs, acceptance and commissioning costs, contingency costs and other expenses related to the aforementioned works.
- Thời điểm giải ngân: Giải ngân theo tiến độ thanh toán các chi phí xây dựng, lắp đặt và các chi phí khác của Dự án CCS Hà Nội.

  Disbursement schedule: Disbursement shall be made in accordance with the payment schedule for construction, installation and other costs of the CCS Hanoi Project.

3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu / *The use of proceeds from bond issuance*

Chi tiết về kế hoạch sử dụng và thực tế sử dụng số tiền thu được của đợt phát hành trái phiếu trong giai đoạn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026, theo báo cáo kiểm toán số 765/2026/UHY-BCKT do công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY phát hành.

Details of the planned use and actual utilization of the proceeds from the bond issuance for the period from 01 April 2025 to 31 March 2026 are presented below, According to audit report No. 765/2026/UHY-BCKT issued by UHY Auditing and Consulting Co., Ltd:

STT/ *No*	**Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu** ***Purpose of Use of Bond Proceeds***	**Mã trái phiếu** ***Bond Code***	**Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/03/2025** ***Actual Utilization of Bond Proceeds Cumulative to 31 March 2025***	**Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026)** ***Actual Utilization of Bond Proceeds During the Reporting Period (from 01 April 2025 to 31 March 2026)***	**Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày kết thúc kỳ báo cáo** ***Actual Utilization of Bond Proceeds Cumulative to the End of the Reporting Period***
			Số tiền (đồng)/ *Amount (VND)*	**Số tiền (đồng)/ *Amount (VND)***	**Số tiền (đồng)/ *Amount (VND)***
I.	Đối với các trái phiếu đã phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ *Bonds issued prior to the effective date of Decree No. 65/2022/ND-CP and remaining outstanding*				
II.	Đối với các trái phiếu phát hành từ ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ *Bonds issued on or after the effective date of Decree No. 65/2022/ND-CP and remaining outstanding*				
1.	Triển khai thực hiện chương trình và dự án đầu tư Tổ hợp Không Gian Sáng Tạo CMC Tại Hà Nội - CMC *Creative Space Hanoi* *Implementation of the CMC Creative Space Hanoi Project*	CMG12501	-	65.987.711.147	65.987.711.147
Tổng (I +II) / *Total*			**-**	**65.987.711.147**	**65.987.711.147**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

***Kindly submit the GMS for your approval*.**

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / *FOR AND ON BEHALF OF THE BOD*
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / *CHAIRMAN*

Nguyễn Trung Chính